

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30 – 7 – 2025

“V/v ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

- Bà Vũ Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thái Thùy Linh – Thư ký của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 141/2025/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Quang Thị H. Sinh năm 199x. Địa chỉ xóm X, xã ĐL, tỉnh Nghệ An (Trước đây là xóm X, xã ĐS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An). Hiện đang sống tại bản A, xã XL, huyện TD, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn H. Sinh năm 199x. Địa chỉ xóm X, xã ĐL, tỉnh Nghệ An (Trước đây là xóm X, xã ĐS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An). Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là bà Quang Thị H trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Quang Thị H và ông Nguyễn Văn H làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã XL huyện TD, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/7/202x. Từ khi kết hôn đến tháng 12/2020 vợ chồng sống hạnh phúc. Từ năm 2021 đến nay hai người sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Đến nay bà Quang Thị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi Quang Thị H làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Quang Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Quang Thị H và ông Nguyễn Văn H có 01 (Một) con chung là Nguyễn Văn Bảo Q – sinh ngày 31/12/202x. Ly hôn thì bà Quang Thị H đề nghị Tòa án giao con chung cho

ông Nguyễn Văn H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Quang Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2025 và tại phiên tòa bị đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Quang Thị H và ông Nguyễn Văn H làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã XL, huyện TD, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/7/202x. Từ khi kết hôn đến tháng 12/2023 vợ chồng sống hạnh phúc. Từ tháng 01/2024 đến nay chúng tôi sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Quang Thị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Đến nay ông Nguyễn Văn H thấy không còn tình cảm vợ chồng với bà Quang Thị H nên ông Hải đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà Quang Thị H.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Quang Thị H và ông Nguyễn Văn H có 01 (Một) con chung là Nguyễn Văn Bảo Q – sinh ngày 31/12/202x. Ly hôn thì ông Nguyễn Văn H đề nghị Tòa án giao con chung cho ông Nguyễn Văn H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bà Quang Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn.

Tại phần tranh luận: Ông Nguyễn Văn H đồng ý ly hôn với bà Quang Thị H. Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Nguyễn Văn Bảo Q cho ông Nguyễn Văn H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Hải không yêu cầu bà Hương phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Nghệ An sau khi nhận xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phân tích nội dung vụ án; đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Quang Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Văn Bảo Q – sinh ngày 31/12/202x cho ông Nguyễn Văn H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án buộc bà Quang Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc bà Quang Thị H phải bầu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Nguyễn Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm X – ĐS, xã ĐL, tỉnh Nghệ An (Trước đây là xóm X, xã ĐS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An). Bà Quang Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con với ông Nguyễn Văn H, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Nghệ An (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An) thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án phải tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt của nguyên đơn không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, vì vậy căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ ý kiến trình bày và các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử xác định bà Quang Thị H và ông Nguyễn Văn H làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã XL, huyện TD, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/7/202x; việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc, do đó hôn nhân giữa bà Quang Thị H và ông Nguyễn Văn H là hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Quang Thị H và ông Nguyễn Văn H sống ly thân đã lâu, cả hai người đều không còn quan tâm đến nhau, không người nào có biện pháp để giữ gìn hạnh phúc gia đình và đều đề nghị giải quyết ly hôn, điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quang Thị H và giải quyết cho bà Quang Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

[4] Về con chung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do bà Quang Thị H, ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định trong thời kỳ hôn nhân bà Quang Thị H và ông Nguyễn Văn H có 01 (Một) con chung là Nguyễn Văn Bảo Q – sinh ngày 31/12/202x. Xét từ khi ly thân thì con chung Nguyễn Văn Bảo Q sống với ông Nguyễn Văn H; các đương sự đều đề nghị giao con chung cho ông Nguyễn Văn H chăm sóc nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con chung nên cần giao cho ông Nguyễn Văn H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Nguyễn Văn Bảo Q cho đến khi đủ tuổi trưởng thành là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bà Quang Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Quang Thị H phải bào án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quang Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Quang Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Nguyễn Văn Bảo Q (Sinh ngày 31/12/202x) cho đến khi đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về án phí: Bà Quang Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Quang Thị H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003068 ngày 16/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

7. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn vắng mặt

có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã ĐL, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Hà